

Số: 17/2011/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2011

THÔNG TƯ

Quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng như sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam (VND) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng dưới hình thức có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá (sau đây gọi tắt là cho vay cầm cố) là hình thức cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) đối với các tổ chức tín dụng trên cơ sở cầm cố giấy tờ có giá thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

2. Cầm cố giấy tờ có giá là việc Ngân hàng Nhà nước nắm giữ bản gốc giấy tờ có giá hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng chuyển khoản giấy tờ có giá vào tài khoản của Ngân hàng Nhà nước mở tại Trung tâm lưu ký chứng khoán

Việt Nam để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho một hay nhiều khoản vay cầm cố của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước.

3. Lãi suất cho vay cầm cố là lãi suất tái cấp vốn mà Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi thực hiện cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng và được Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng thời kỳ.

4. Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá là thời gian tính từ ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân khoản vay cầm cố đối với tổ chức tín dụng đến ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá đó.

Điều 3. Đối tượng được vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước

Các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân trung ương và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng).

Điều 4. Mục đích cho vay cầm cố

Ngân hàng Nhà nước cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho các tổ chức tín dụng.

Điều 5. Nguyên tắc cho vay cầm cố

Việc cho vay cầm cố của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Khoản cho vay cầm cố được bảo đảm bằng các giấy tờ có giá đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

2. Tổ chức tín dụng được vay cầm cố phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng Nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

Điều 6. Phương thức thực hiện cho vay cầm cố

1. Phương thức trực tiếp: Các tổ chức tín dụng giao dịch trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước.

2. Phương thức gián tiếp: Các tổ chức tín dụng giao dịch thông qua hệ thống mạng giao dịch nghiệp vụ thị trường tiền tệ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Cấp mã số, mã khoá, mã chữ ký điện tử

Các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp mã số, mã khoá, mã chữ ký điện tử cho những người đại diện của tổ chức tín dụng để giao dịch qua hệ thống mạng giao dịch nghiệp vụ thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước trong các giao dịch cho vay cầm cố nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật.

Điều 8. Giấy tờ có giá được cầm cố

1. Tiêu chuẩn giấy tờ có giá được cầm cố:

- a) Được phép chuyển nhượng;
- b) Thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng đề nghị vay;
- c) Có thời hạn còn lại tối thiểu bằng thời gian vay;
- d) Không phải là giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng đề nghị vay phát hành.

2. Danh mục, thứ tự ưu tiên các giấy tờ có giá được sử dụng cầm cố vay vốn và tỷ lệ giữa giá trị giấy tờ có giá và số tiền vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

Điều 9. Giá trị giấy tờ có giá được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay cầm cố

1. Giá trị giấy tờ có giá được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay cầm cố là tổng giá trị phát hành của giấy tờ có giá được tính theo mệnh giá.

2. Tỷ lệ bảo đảm của giá trị giấy tờ có giá so với số tiền vay cầm cố được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Điều kiện cho vay cầm cố

Trên cơ sở định hướng điều hành chính sách tiền tệ và lượng tiền cung ứng từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước quyết định thực hiện cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng khi có đủ các điều kiện sau:

1. Là các tổ chức tín dụng quy định tại Điều 3 của Thông tư này và không bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;
2. Có giấy tờ có giá đủ tiêu chuẩn và thuộc danh mục các giấy tờ có giá được sử dụng cầm cố vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;
3. Có mục đích vay vốn phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;
4. Có hồ sơ đề nghị vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định tại Điều 15 của Thông tư này;
5. Không có nợ quá hạn tại Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị vay vốn;

6. Có cam kết về sử dụng tiền vay cầm cố đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Nhà nước đúng thời gian quy định.

Điều 11. Thời hạn cho vay cầm cố

1. Thời hạn cho vay cầm cố là dưới 12 tháng và không vượt quá thời hạn còn lại của giấy tờ có giá được cầm cố. Thời hạn cho vay cầm cố bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thời hạn cho vay được kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.

2. Căn cứ mục đích vay vốn của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước quyết định thời hạn cho vay, kỳ hạn thu nợ trong từng trường hợp cụ thể.

3. Trường hợp đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét gia hạn khoản vay cầm cố trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng và lý do gia hạn phù hợp với định hướng điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.

Khi có nhu cầu đề nghị gia hạn khoản vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng gửi 01 văn bản đề nghị gia hạn khoản vay cầm cố (trong đó giải trình rõ lý do đề nghị gia hạn) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn khoản vay cầm cố, Ngân hàng Nhà nước có thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn khoản vay cầm cố và gửi cho các đơn vị liên quan.

Điều 12. Lãi suất cho vay cầm cố

1. Lãi suất cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng là lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng tại thời điểm giải ngân khoản vay và duy trì trong suốt thời hạn cho vay.

2. Trường hợp dư nợ vay cầm cố bị chuyển sang nợ quá hạn thì tổ chức tín dụng phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ghi trên hợp đồng tín dụng.

Điều 13. Mức cho vay cầm cố

1. Căn cứ mục tiêu chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, nhu cầu vay vốn, giá trị giấy tờ có giá làm bảo đảm và dư nợ các khoản vay khác của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước quyết định mức cho vay cầm cố đối với tổ chức tín dụng đề nghị vay.

2. Mức cho vay tối đa không vượt quá giá trị giấy tờ có giá làm bảo đảm được quy đổi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 14. Thẩm quyền tham gia nghiệp vụ vay cầm cố

1. Người có thẩm quyền thay mặt tổ chức tín dụng ký các văn bản tham gia nghiệp vụ vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước là một trong những người sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;
- b) Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.

2. Người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này có thể ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc Giám đốc chi nhánh ký các văn bản tham gia nghiệp vụ vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị vay cầm cố

Khi có nhu cầu vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ đề nghị vay cầm cố bao gồm:

1. Giấy đề nghị vay vốn theo hình thức cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá (theo Mẫu 01/NHNN-CC);
2. Bảng kê các giấy tờ có giá đề nghị cầm cố để vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có xác nhận của tổ chức phát hành, đại lý phát hành hoặc tổ chức lưu ký (theo Mẫu 02a/NHNN-CC);
3. Một số chỉ tiêu về nguồn vốn và sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam theo Mẫu 03/NHNN-CC; Tình hình giao dịch của tổ chức tín dụng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Mẫu 04/NHNN-CC; Bảng tính toán nhu cầu vay vốn VND từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Mẫu 05/NHNN-CC;
4. Bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng tại thời điểm gần nhất (bản chính).

Điều 16. Chấp thuận và từ chối đề nghị vay cầm cố của tổ chức tín dụng

1. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị vay cầm cố của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước xem xét đề nghị vay của tổ chức tín dụng và trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị vay cầm cố theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng đề nghị vay về việc chấp thuận (theo Mẫu 06a/NHNN-CC) hay không chấp thuận cho vay cầm cố (theo Mẫu 06b/NHNN-CC) và gửi cho các đơn vị liên quan.

2. Ngân hàng Nhà nước không xem xét đề nghị vay cầm cố của tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

Điều 17. Giao nhận và hoàn trả giấy tờ có giá làm tài sản cầm cố

1. Sau khi nhận được thông báo về việc chấp thuận cho vay cầm cố của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng đề nghị vay phải tiến hành chuyển giao các giấy tờ có giá để làm tài sản cầm cố cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cầm cố các giấy tờ có giá theo đúng danh mục giấy tờ có giá đã được phê duyệt.

3. Trong thời gian vay, tổ chức tín dụng có nhu cầu đổi giấy tờ có giá đang được cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước bằng các giấy tờ có giá khác đủ tiêu chuẩn và nằm trong danh mục giấy tờ có giá được sử dụng cầm cố vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản giải trình lý do đổi giấy tờ có giá đang được cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước bằng các giấy tờ có giá khác.

b) Bảng kê các giấy tờ có giá thay thế để cầm cố vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có xác nhận của tổ chức phát hành, đại lý phát hành hoặc tổ chức lưu ký (theo Mẫu 02b/NHNN-CC);

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị đổi giấy tờ có giá đang được cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng về việc chấp thuận hay không chấp thuận đổi giấy tờ có giá đang cầm cố và gửi cho các đơn vị liên quan.

4. Sau khi tổ chức tín dụng đã hoàn trả hết nợ gốc và lãi vay, Ngân hàng Nhà nước sẽ hoàn trả các giấy tờ có giá đã sử dụng làm tài sản cầm cố cho tổ chức tín dụng.

Điều 18. Thực hiện cho vay cầm cố

1. Việc cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng được thực hiện tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào hồ sơ chấp thuận cho vay cầm cố đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt tiến hành làm thủ tục nhận tài sản cầm cố, ký hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng và chuyển số tiền cho vay vào tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong trường hợp cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thể ủy quyền cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện cho vay cầm cố đối với tổ chức tín dụng có trụ sở chính trên địa bàn. Quy trình thực hiện cho vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố như thực hiện tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Điều 19. Trả nợ vay cầm cố

1. Khi đến kỳ hạn trả nợ, các tổ chức tín dụng thanh toán gốc và lãi khoản vay cầm cố cho Ngân hàng Nhà nước và nhận lại giấy tờ có giá.

2. Trường hợp đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi mà tổ chức tín dụng không trả nợ và không được Ngân hàng Nhà nước gia hạn nợ thì Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ gốc và lãi bắt buộc như sau:

a) Trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước để thu nợ;

b) Thu nợ gốc và lãi từ các nguồn khác (nếu có) của tổ chức tín dụng;

3. Trường hợp sau khi đã trích tài khoản tiền gửi để thu nợ gốc và lãi và thu nợ từ các nguồn khác của tổ chức tín dụng nhưng vẫn không đủ để thu hồi hết nợ, Ngân hàng Nhà nước sẽ chuyển phần nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn. Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục trích tài khoản tiền gửi để thu nợ hoặc có thể bán hoặc thanh toán với người phát hành các giấy tờ có giá cầm cố trên thị trường tiền tệ để thu hồi nợ gốc và lãi quá hạn của tổ chức tín dụng vay.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng đề nghị vay cầm cố

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Thực hiện đúng các cam kết với Ngân hàng Nhà nước khi vay cầm cố về sử dụng tiền vay đúng mục đích, hoàn trả nợ vay bao gồm cả gốc, lãi đầy đủ và đúng hạn.

3. Chuyển giao đầy đủ giấy tờ có giá sử dụng làm tài sản cầm cố và nhận lại toàn bộ tài sản cầm cố sau khi đã trả hết nợ vay cho Ngân hàng Nhà nước.

4. Chịu sự kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết của Ngân hàng Nhà nước trong việc sử dụng khoản vay cầm cố trong thời gian vay vốn.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định mức cung ứng tiền cho mục tiêu tái cấp vốn hàng quý, hàng năm, trong đó bao gồm cả hình thức tái cấp vốn bằng cầm cố giấy tờ có giá trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và thông báo tới các đơn vị liên quan.

b) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố lãi suất tái cấp vốn để có cơ sở áp dụng đối với nghiệp vụ cầm cố giấy tờ có giá.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay cầm cố.

2. Vụ Tín dụng

a) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị vay cầm cố của các tổ chức tín dụng.

b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt đề nghị cho vay cầm cố giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng và ủy quyền cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện (nếu có) và thông báo tới tổ chức tín dụng đề nghị vay về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho vay cầm cố.

c) Chuyển hồ sơ đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt tới Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước để thực hiện cho vay cầm cố.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay cầm cố.

đ) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định đề nghị của tổ chức tín dụng về việc thay đổi giấy tờ có giá đang được cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước.

e) Tổng hợp tình hình thực hiện cho vay cầm cố từ Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo tháng, quý, năm để báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

g) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt danh mục, thứ tự ưu tiên các giấy tờ có giá được sử dụng trong nghiệp vụ cho vay cầm cố và tỷ lệ giữa giá trị giấy tờ có giá và số tiền vay cầm cố trong từng thời kỳ.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

a) Căn cứ hồ sơ đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt chấp thuận cho vay cầm cố, thực hiện việc cho vay cầm cố và cầm cố giấy tờ có giá, thu hồi nợ gốc và lãi theo quy định tại Thông tư này.

b) Tổ chức giao nhận, lưu giữ, bảo quản tài sản cầm cố, hồ sơ tài liệu, hoàn trả giấy tờ có giá và hạch toán cho vay cầm cố theo quy định.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay cầm cố.

d) Tổng hợp số liệu về cho vay cầm cố phát sinh tại Sở Giao dịch theo định kỳ hàng tháng, quý, năm, phát hiện kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện gửi Vụ Tín dụng để tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

đ) Thực hiện lưu ký giấy tờ có giá được sử dụng để cầm cố vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định, xác nhận lưu ký giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đề nghị vay đối với trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay cầm cố đang lưu ký giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước.

e) Hướng dẫn quy trình thực hiện nghiệp vụ cho vay cầm cố của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng.

4. Vụ Tài chính – Kế toán: Hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán liên quan đến nghiệp vụ cho vay cầm cố.

5. Cục Công nghệ tin học

a) Cài đặt chương trình phần mềm và đảm bảo hạ tầng mạng truyền thông thực hiện cho vay cầm cố ổn định, an toàn và bảo mật.

b) Quy định mã số, mã khoá, mã chữ ký điện tử cho những người tham gia nghiệp vụ cầm cố của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng.

6. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng khoản vay cầm cố trong thời gian vay vốn của tổ chức tín dụng; Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay cầm cố.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Thực hiện cho vay cầm cố đối với các tổ chức tín dụng có trụ sở chính trên địa bàn khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền.

b) Tổ chức giao nhận, lưu giữ, bảo quản tài sản cầm cố, hồ sơ tài liệu, hoàn trả giấy tờ có giá và hạch toán cho vay cầm cố theo quy định.

c) Hàng tháng, quý và năm, tổng hợp các thông tin, số liệu về cho vay cầm cố phát sinh tại chi nhánh, phát hiện kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện gửi Vụ Tín dụng để tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2011 và thay thế Thông tư số 03/2009/TT-NHNN ngày 02/3/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng và Thông tư số 11/2009/TT-NHNN ngày 27/5/2009 sửa đổi Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 03/2009/TT-NHNN ngày 02/3/2009 quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng.

2. Các khoản cho vay cầm cố còn dư nợ đến ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi Ngân hàng Nhà nước thu hồi hết nợ gốc và lãi.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, Quỹ tín dụng nhân dân trung ương, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 22;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (2 bản);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Lưu VP, Vụ Pháp chế, Vụ TD(10).

**KT THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



NGUYỄN ĐỒNG TIẾN

Tên (địa chỉ, logo)
của tổ chức tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số văn bản

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
theo hình thức cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Tín dụng)

Tên tổ chức tín dụng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

fax:

Mã số:

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: tại Ngân hàng Nhà nước ...

Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 13/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng;

Căn cứ tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn, khả năng cân đối nguồn vốn và khối lượng giấy tờ có giá đang nắm giữ,

Tổ chức tín dụng ... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá với các nội dung như sau:

1. Số tiền xin vay: (bằng số) đồng, (bằng chữ) đồng
2. Mục đích xin vay:
3. Thời hạn vay:
4. Tài sản bảo đảm tiền vay: (Tín phiếu kho bạc, Trái phiếu kho bạc ... với tổng mệnh giá ... đồng)
5. Phương thức trả nợ: (Trả nợ gốc và lãi một lần khi đến hạn)
6. Kế hoạch sử dụng vốn vay (giải trình rõ mục đích vay vốn của tổ chức tín dụng và cân đối nguồn vốn trong đó có nguồn tái cấp vốn để thực hiện).

Tổ chức tín dụng ... cam đoan các thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng các quy định hiện hành về cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng.

Nơi nhận:

- Như đề gửi,
- Lưu Văn thư,

**Chủ tịch Hội đồng quản trị / Chủ tịch
Hội đồng thành viên/
Tổng giám đốc, Giám đốc
(hoặc người được ủy quyền)**

11

**BẢNG KÊ CÁC GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐỀ NGHỊ CÀM CỐ ĐỀ
VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đơn vị: đồng.

Số TT	Loại giấy tờ có giá	Số chứng từ	Tổ chức phát hành	Phương thức thanh toán lãi, gốc	Ngày phát hành	Mệnh giá	Lãi suất	Ngày đến hạn thanh toán	Tổ chức lưu ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Trái phiếu Kho bạc	TP1A2505	Kho bạc Nhà nước	Thanh toán lãi, gốc một lần khi đáo hạn, lãi nhập gốc	8/25/2005	40,000,000,000	8.75%	8/25/2010	
2	...								
	...								
	Cộng								

....., ngày ... tháng năm

Xác nhận của (tổ chức phát hành, đại lý phát hành hoặc tổ chức lưu ký)

Lập biểu

Kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị / Chủ tịch Hội đồng thành viên / Tổng Giám đốc, Giám đốc (hoặc người được ủy quyền)

Ghi chú

Phương thức thanh toán gốc và lãi

1. Thanh toán lãi ngay khi phát hành
2. Thanh toán lãi, gốc một lần khi đáo hạn, lãi không nhập gốc
3. Thanh toán lãi, gốc một lần khi đáo hạn, lãi nhập gốc
4. Thanh toán lãi định kỳ, thanh toán gốc một lần khi đáo hạn

**BẢNG KÊ CÁC GIẤY TỜ CÓ GIÁ THAY THẾ ĐỀ CÀM
CỔ VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đơn vị: đồng.

Số TT	Loại giấy tờ có giá	Số chứng từ	Tổ chức phát hành	Phương thức thanh toán lãi, gốc	Ngày phát hành	Mệnh giá	Lãi suất	Ngày đến hạn thanh toán	Tổ chức lưu ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Trái phiếu Kho bạc	TP1A2 505	Kho bạc Nhà nước	Thanh toán lãi, gốc một lần khi đáo hạn, lãi nhập gốc	8/25/2005	40,000,000,000	8.75%	8/25/2010	
2	...								
	...								
	Cộng								

....., ngày ... tháng năm

Xác nhận của (tổ chức phát hành, đại lý phát hành hoặc tổ chức lưu ký)

Lập
biểu

Kiểm
soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị
hoặc Chủ tịch Hội đồng
thành viên/Tổng Giám đốc,
Giám đốc (hoặc người
được ủy quyền)

Ghi chú

Phương thức thanh toán gốc và lãi

1. Thanh toán lãi ngay khi phát hành
2. Thanh toán lãi, gốc một lần khi đáo hạn, lãi không nhập gốc
3. Thanh toán lãi, gốc một lần khi đáo hạn, lãi nhập gốc
4. Thanh toán lãi định kỳ, thanh toán gốc một lần khi đáo hạn

Một số chỉ tiêu về nguồn vốn và sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam

Đơn vị: tỷ đồng

stt	Chỉ tiêu	Thời điểm		
		X	Y	Z
A	Nguồn vốn VND			
1	Huy động			
a	Không kỳ hạn và đến 12 tháng			
b	Trên 12 tháng			
2	Tiền gửi của KBNN			
a	Không kỳ hạn và đến 3 tháng			
b	Trên 3 tháng			
3	Tiền gửi/vay TCTD khác			
a	Không kỳ hạn và đến 3 tháng			
b	Trên 3 tháng			
4	Vay NHNN			
B	Sử dụng vốn VND			
1	Cho vay nền kinh tế			
2	Cho vay/gửi tiền TCTD khác			
a	Không kỳ hạn và đến 3 tháng			
b	Trên 3 tháng			
3	Dự trữ			
a	Tiền mặt tồn quỹ			
b	Tiền gửi thanh toán tại NHNN			
c	Tiền gửi thanh toán tại TCTD khác			
4	Đầu tư GTCG			
a	Trái phiếu Chính phủ			
b	Tín phiếu NHNN			
c	GTCG khác			
d	Đầu tư khác			

Ghi chú: - X là thời điểm cuối năm trước;
 - Y là ngày cuối cùng của tháng gần nhất;
 - Z là ngày gần nhất ngày nộp hồ sơ.

Lập biểu

Kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên / Tổng Giám đốc, Giám đốc (hoặc người được ủy quyền)

**TÌNH HÌNH GIAO DỊCH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VỚI NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

từ ngày/.../..... đến ngày/.../.....

	Thời kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Doanh số cho vay	Doanh số trả nợ	Dư nợ cuối kỳ	Nợ quá hạn trong kỳ
1	Chiết khấu giấy tờ có giá					
2	Cầm cố giấy tờ có giá					
3	Cho vay qua đêm					
4	OMO					
4.1	Mua GTCG					
4.2	Bán GTCG					
5	Cho vay theo hồ sơ tín dụng					
6	Hoán đổi ngoại tệ					
	Tổng					

Ghi chú:

1. Đối với nghiệp vụ OMO, nếu bán GTCG cho NHNN thì doanh số trúng thầu tính vào doanh số cho vay, nếu mua GTCG của NHNN thì doanh số trúng thầu tính vào doanh số trả nợ. Nếu thanh toán các khoản bán giấy tờ có giá khi đến hạn cho NHNN tính vào doanh số trả nợ, thanh toán các khoản mua giấy tờ có giá cho NHNN khi đến hạn tính vào doanh số cho vay.

2. Số dư bán GTCG cho NHNN ghi số dương (+)

Số dư mua GTCG của NHNN ghi số âm (-)

3. Thời kỳ báo cáo: quý hiện tại.

Lập biểu**Kiểm soát**

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên / Tổng Giám đốc, Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền)

**BẢNG TÍNH TOÁN NHU CẦU VAY VỐN VND TỪ NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Đến
(1)	(2)	(3)
I	NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN BẰNG VND	
1	Giải ngân tín dụng cho tổ chức kinh tế, dân cư theo cam kết	
2	Giải ngân tín dụng cho tổ chức kinh tế, dân cư ngoài cam kết	
3	Chi trả tiền gửi theo kế hoạch	
4	Chi trả tiền gửi ngoài kế hoạch	
5	Cho vay các chi nhánh hoặc CN rút tiền rỗng	
6	Trả nợ các khoản vay/nhận tiền gửi TCTD đến hạn	
7	Trả nợ Ngân hàng Nhà nước đến hạn	
II	DỰ TÍNH KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN VND	
1	Huy động tiền gửi từ nền kinh tế	
2	Thu nợ tín dụng đến hạn từ tổ chức kinh tế, dân cư	
3	Thu nợ các khoản cho vay trên thị trường LNH đến hạn	
4	Thu nợ cho vay từ chi nhánh thuộc nội bộ TCTD	
5	Các khoản đầu tư GTCG đến hạn	
6	Các khoản vay trên thị trường liên ngân hàng	
III	CHÈNH LỆCH NGUỒN VỐN - SỬ DỤNG VỐN VND	
1	Dự kiến vay NHNN qua các kênh	
a	Bán GTCG trên thị trường mở	
b	Vay chiết khấu GTCG	
c	Vay cầm cố GTCG	
d	Hoán đổi ngoại tệ	
2	Dự kiến bán ngoại tệ cho NHNN	

Lập biểu

Kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị
hoặc Chủ tịch Hội đồng
thành viên / Tổng Giám
đốc, Giám đốc (hoặc
người được uỷ quyền)

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng

Kính gửi: Tổ chức tín dụng

Căn cứ Thông tư số ~~11/2011~~ 11/2011/TT-NHNN ngày ~~18/1/2011~~ 18/1/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng;

Sau khi xem xét Hồ sơ đề nghị vay cầm cố của tổ chức tín dụng ... kèm theo Giấy đề nghị vay vốn theo hình thức cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá (công văn số ngày .../.../...), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng với các nội dung sau:

1. Số tiền cho vay cầm cố: ... tỷ đồng.
2. Lãi suất cho vay cầm cố:
3. Thời hạn cho vay cầm cố: ... ngày kể từ ngày nhận tiền vay.
4. Mục đích vay cầm cố:....
5. Phương thức trả nợ gốc và lãi:....
6. Giấy tờ có giá dùng để cầm cố:
7. Tổ chức tín dụng ... thực hiện vay vốn, trả nợ theo quy định tại Ngân hàng Nhà nước.

Thừa lệnh Thống đốc, Vụ Tín dụng thông báo để Quý Đơn vị biết và thực hiện./.

TL.THỐNG ĐỐC
VỤ TRƯỞNG VỤ TÍN DỤNG

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thống đốc NHNN;
- PTĐ phụ trách (đề b/c),
- Sở Giao dịch (đề th/h);
- Các Vụ: CSTT, TCKT, CQTTGSNH;
- Lưu VP, Vụ TD.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /TB-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chấp thuận cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với Tổ chức tín dụng

Kính gửi: Tổ chức tín dụng

Căn cứ Thông tư số ~~11/2011~~ 11/TT-NHNN ngày 18/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng;

Sau khi xem xét Hồ sơ đề nghị vay cầm cố của Tổ chức tín dụng ... kèm theo Giấy đề nghị vay vốn theo hình thức cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá (công văn số ngày .../.../...), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chấp thuận cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá đối với Tổ chức tín dụng với các lý do sau:

- 1.
- 2.
- ...

Thừa lệnh Thống đốc, Vụ Tín dụng thông báo để Quý Đơn vị biết./.

TL. THỐNG ĐỐC
VỤ TRƯỞNG VỤ TÍN DỤNG

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thống đốc NHNN;
- PTĐ phụ trách;
- Sở Giao dịch;
- Các Vụ: CSTT, TCKT, CQTTGSNH;
- Lưu VP, Vụ TD.